

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2021/HC-PT

Ngày: 19/4/2021

V/v: Khiếu kiện QĐHC về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với yêu cầu cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Tấn

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:*** Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 391/2018/TLPT-HC ngày 07/8/2018, về việc: “*Khiếu kiện QĐHC về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với yêu cầu cấp Giấy chứng nhận QSD đất*”, giữa các bên đương sự:

***Người khởi kiện:*** Bà Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, Bến Tre.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà Mỹ L: LS.Nguyễn Ngô Quang N (Có mặt).

***Người bị kiện:*** Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Mai Văn H, Phó CT.UBND huyện T (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho phía người bị kiện:

Ông Đào Tăng H, Trưởng Phòng TN&MT huyện T (Có mặt)

***Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:***

1/ UBND huyện T, Bến Tre

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật:

Ông Phạm Hiếu Th, Chủ tịch UBND huyện T (Có mặt)

2/ Ông Lý An Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: 35/1 ấp T, thị trấn T, huyện T, Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Lý Thanh L (Có mặt)

3/ Bà Châu Thị Ngọc A, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho bà A:

Luật sư Trần Nhật V, Đoàn LS Tp.HCM (Có mặt)

*Người kháng cáo:* Bà Phan Thị Mỹ L là người khởi kiện trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện bà Phan Thị Mỹ L trình bày:*

Phần đất tranh chấp tại thửa 54A và 54B thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 32 có diện tích 57m<sup>2</sup> (trước đây là phần đất thuộc thửa 244, tờ bản đồ số 32), tọa lạc tại ấp 10, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do gia đình chồng bà quản lý sử dụng từ trước năm 1973.

Nay phía UBND huyện T không nhận công nhận quyền sử dụng đất trên cho gia đình bà và không đồng ý cấp Giấy chứng nhận QSD đất vì cho rằng: Phần đất trên có nguồn gốc trước năm 1975 của ông Tống Văn T, do ông T bỏ hoang không sử dụng nên Nhà nước giao cho UBND thị trấn Thạnh Phú quản lý.

Ý kiến trên là sai vì phần đất này và phần đất còn lại của các hộ liền kề với nhà bà đều do các hộ này và gia đình bà quản lý sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, không phải đất do gia đình ông Tống Văn T quản lý, sự việc này có xác nhận của ông Tống Thành M là con của Tống Văn T xác định phần đất này do gia đình bà quản lý sử dụng.

Từ lâu gia đình bà đã xây hàng rào cao xung quanh khu đất này, không thuộc các trường hợp Nhà nước không cấp quyền sử dụng đất theo quy định tại điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, đất do gia đình bà quản lý sử dụng nhưng lại giao cho cơ quan khác quản lý sử dụng trong khi chưa có thu hồi, giải tỏa là trái quy định của pháp luật.

Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T xác định chị bà là Lý Thanh H kê khai đăng ký thửa 55 tờ bản đồ số 32 đúng quy trình nhưng không có kê khai hoặc khiếu nại phần đất thửa 54A và 54B, để làm căn cứ bác yêu cầu cấp quyền sử dụng đất hai thửa trên cho gia đình bà là mâu thuẫn và không đúng pháp luật.

Do đó, căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, thửa 54A và 54B do gia đình bà quản lý sử dụng đủ điều kiện được cấp quyền sử dụng đất.

Nay bà Mỹ L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T để UBND huyện T.

*Theo Văn bản và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T do ông Mai Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần đất có diện tích 57m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 54, tờ bản đồ số 32, có tổng diện tích 728 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Thạnh Trị Hạ, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, có nguồn gốc là của ông Tống Văn T (cha ruột ông Tống Văn H) quản lý và sử dụng trước năm 1975.

Trước năm 1975, ông Tống Văn T tham gia làm việc cho chính quyền chế độ cũ, với chức vụ phó Xã trưởng an ninh. Sau năm 1975, thực hiện chủ trương di dời các hộ gia đình có tham gia chính quyền chế độ cũ ra khỏi khu vực thị trấn, thị xã. Đến năm 1978, gia đình ông T tháo dỡ nhà di dời về sinh sống tại xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, phần đất trên của ông T bỏ trống, UBND huyện T quản lý và xây dựng Cửa hàng xuất khẩu huyện, sau đó giao lại cho Trạm thú y huyện quản lý sử dụng.

Năm 1998, chính quyền địa phương đo đạc chính quy trên địa bàn thị trấn Thạnh Phú, trong đó có phần diện tích đất 728m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 32, do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đứng tên kê khai trong hồ sơ địa chính và trực tiếp quản lý. Đồng thời, trong quá trình đo đạc lập hồ sơ địa chính, bà Lý Thanh H có ký tên xác nhận vào Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất nêu trên.

Năm 2009, UBND huyện bán chỉ định một phần thửa đất số 54, với diện tích 416,3m<sup>2</sup> cho bà Lê Thị Th, phần diện tích còn lại 311,7m<sup>2</sup> (theo đo đạc chính lý năm 2010 là thửa 54, tờ bản đồ số 32, diện tích 313,3 m<sup>2</sup>), UBND thị trấn Thạnh Phú tiếp tục quản lý.

Năm 2011, do nhu cầu bán đấu giá quyền sử dụng đất, UBND thị trấn Thạnh Phú đề nghị UBND tỉnh Bến Tre quyết định xác lập pháp lý diện tích 59,9m<sup>2</sup>, thuộc một phần trong tổng diện tích 313,3m<sup>2</sup> (theo đơn yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Mỹ L là 57m<sup>2</sup>). Trong quá trình đo đạc xác lập pháp lý đối với 59,9m<sup>2</sup> nêu trên, chồng của bà Mỹ L là ông Lý An Đ có ký tên xác nhận vào Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất.

Mặt khác, qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi của ông Đ là bà Lý Thanh H đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 279/QSDD, ngày 30/9/2004, tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 32, diện tích 318,3 m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư, tọa lạc tại ấp Thạnh Trị Hạ, thị trấn Thạnh Phú, có nguồn gốc nhận thừa kế từ cha ruột là ông Lý C.

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn Thanh Phú theo quy định, nhưng không khiếu nại gì đối với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đề cập đến diện tích 57m<sup>2</sup> như đã nêu trên. Đồng thời vào năm 2017, ông Đ, bà Mỹ L xây dựng phần tam cấp phía sau nhà, lấn thêm một phần diện tích của thửa đất số 54 tờ bản đồ số 32 do UBND thị trấn quản lý (thuộc phần diện tích 57m<sup>2</sup> nêu trên), UBND thị trấn Thanh Phú đã lập biên bản yêu cầu ông cam kết tháo dỡ để trả lại đất khi nhà nước có nhu cầu sử dụng.

Ngày 23/5/2017, UBND huyện Thông báo đấu giá phần đất trên, bà Mỹ L có đơn tham gia đấu giá nhưng sợ không đấu thắng bà Châu Thị Ngọc A nên chuyển sang yêu cầu mua đất chỉ định đối với phần đất nêu trên và yêu cầu UBND huyện đứng ra hỗ trợ để cho bà được mua lại đất từ phía bà A vì cho rằng nếu bà A vào sử dụng đất sẽ ảnh hưởng đến việc thoát nước của gia đình bà sau này.

UBND huyện T xác định phần diện tích 57 m<sup>2</sup> nêu trên là đất do Nhà nước quản lý xuyên suốt từ sau năm 1975 (cụ thể từ năm 1978 cho đến nay) thể hiện qua công tác đo đạc, kê khai lập hồ sơ địa chính, xác lập pháp lý để quản lý chặt chẽ và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, trong quá trình Nhà nước thực hiện công tác đo đạc, kê khai lập hồ sơ địa chính, xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đo đạc xác lập pháp lý để quản lý thì gia đình bà Phan Thị Mỹ L đều thống nhất và ký tên xác nhận vào các Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (giáp ranh giới đối với phần diện tích đất 57m<sup>2</sup> do nhà nước quản lý).

Trong quá trình lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho gia đình bà Phan Thị Mỹ L đối với đất thửa đất số 55, tờ bản đồ số 32, diện tích 318,3m<sup>2</sup> (là thửa đất liền kề với phần diện tích 57m<sup>2</sup>) đã được niêm yết, công khai tại trụ sở UBND thị trấn Thanh Phú đảm bảo đúng quy định. Tuy nhiên, trong thời gian này gia đình bà Mỹ L không yêu cầu kê khai, đăng ký bổ sung phần diện tích 57m<sup>2</sup> hay có bất kỳ khiếu nại gì đối với diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đề cập đến diện tích 57m<sup>2</sup> như đã nêu trên. Bên cạnh đó, khi Nhà nước tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 57m<sup>2</sup> nêu trên, chính gia đình bà Phan Thị Mỹ L có nộp đơn tham gia mua đấu giá quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này (thậm chí gia đình bà Phan Thị Mỹ L còn đề nghị Nhà nước bán chỉ định cho gia đình bà), điều này chứng minh gia đình bà Mỹ L thừa nhận phần diện tích 57m<sup>2</sup> là do Nhà nước quản lý.

Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 là đúng quy định pháp luật.

*Theo Văn bản và lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn Thanh Phú, huyện T do ông Phạm Hiếu Th đại diện trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của Chủ tịch UBND huyện T.

*Theo đơn và lời khai của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Lý An Đ trình bày:* Thông nhất yêu cầu của bà Mỹ L.

*Theo đơn và lời khai của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thanh L trình bày:* Thông nhất yêu cầu của bà Mỹ L.

*Theo đơn và lời khai của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Ngọc A trình bày:*

Bà là người mua trúng đấu giá phần đất đang tranh chấp nhưng từ khi mua được phần đất trên cho đến nay, bà chưa được giao đất, bà mua phần đất trên là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L.

*Theo lời khai của người làm chứng bà Lý Thanh H trình bày:*

Phần đất tranh chấp tại thửa 54A và 54B thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 32 có diện tích 57m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 10, thị trấn Thanh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của cha mẹ bà để lại. Gia đình bà đã sử dụng phần đất này từ trước năm 1975. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mỹ L.

*Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đã tuyên xử:*

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L về việc đòi hủy Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị Mỹ L.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

*Ngày 18/6/2018, bà Phan Thị Mỹ L làm đơn kháng cáo, nêu lý do:* Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình bà, đề nghị phúc xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Phía người khởi kiện và Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cho rằng thực tế diện tích 57m<sup>2</sup> là do phía bà Mỹ L đang trực tiếp sử dụng ổn định, lâu dài, việc chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định 2203/QĐ-UBND là không có căn cứ hợp pháp, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập là chưa đầy đủ, nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía bà Mỹ L.

Phía người bị kiện đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm, vì cho rằng nguồn gốc đất này trước đây là của ông T không phải của gia đình bà Mỹ L, ông T là thuộc diện đưa ra khỏi thị xã, nên phần đó đã được UBND thu hồi và giao lại cho địa phương quản lý là phù hợp với quy định của luật đất đai. Gia đình ông T đã có nhiều đơn yêu cầu đòi lại đất nhưng đã bị bác yêu cầu, còn diện tích đất này phía gia đình bà Mỹ L cho rằng mình là người trực tiếp sử dụng và nguồn gốc pháp lý của gia đình bà Mỹ L nhưng không cung cấp được những tài liệu chứng cứ gì để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp theo luật định do đó Ủy ban đã ban hành Quyết định 2203/QĐ-UBND là đúng, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Phía người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Đ, bà Thanh L, bà Thanh H thống nhất với yêu cầu của bà Mỹ L.

Phía người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà A do ông C đại diện có Luật sư bảo cho rằng, cần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người thứ ba ngay tình vì vậy việc mua bán trường hợp này là hợp pháp, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng Hành chính 2015.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bà Phan Thị Mỹ L làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

*[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:*

Do có nhu cầu bán đấu giá quyền sử dụng đất, UBND huyện T có đề nghị với UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định xác lập về mặt pháp lý đối với diện tích 59,9m<sup>2</sup>, phần diện tích này bà Mỹ L có yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận QSD đất trong tổng diện tích 313,3m<sup>2</sup>.

Ngày 27/10/2011 UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành quyết định số 2510/QĐ-UBND giao phần đất 59,9m<sup>2</sup> cho UBND thị trấn Thạnh Phú quản lý, ngày 14/5/2014 UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 879/QĐ-UBND thu hồi và giao đất trên cho Ủy ban huyện quản lý phần đất này.

Ngày 17/1/2015 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Bến Tre ban hành Thông báo về việc bán đấu giá tài sản, trong đó có phần diện tích đất nêu trên.

Ngày 21/12/2015 bà Mỹ L có làm thủ tục đăng ký mua tài sản đấu giá gửi đến Trung tâm dịch vụ bán đấu giá Bến Tre với giá khởi điểm là 144.000.000đồng, bà đã đặt trước 10.000.000đồng, ngày 23/12/2015 bà Mỹ L có đến phiên đấu giá nhưng lại không tham gia đấu giá theo quy định, ngày 25/12/2015 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá căn cứ vào biên bản đấu giá ra Thông báo kết quả phiên bán đấu giá bà Châu Thị Ngọc A là người mua trúng phần diện tích 59,9m<sup>2</sup> với giá 155.000.000đồng.

Ngày 19/4/2016 UBND huyện T ban hành Quyết định số 1220/QĐ-UBND về việc giao đất cho A, nhưng chưa thể bàn giao vì phần đất trên có công trình xây dựng không phép của ông Đ và bà Mỹ L, ngày 14/11/2016 bà Mỹ L lại có đơn yêu cầu được mua chỉ định phần đất trên và trong đơn bà nêu rõ phần đất này không phải của gia đình bà mà của gia đình ông Tống Văn T và gia đình bà chỉ có công bồi đắp đối với phần đất nêu trên.

Ngày 17/1/2017, UBND huyện T ban hành Văn bản số 134/UBND-KT, không đồng ý đối với yêu cầu của bà Mỹ L về việc chỉ định mua đối với phần đất tranh chấp nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thu thập được, căn cứ vào nguồn gốc pháp lý, quá trình quản lý đất đai, căn cứ vào các quy định của pháp luật, đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía bà Mỹ L là có căn cứ, hợp pháp.

Tại cấp phúc thẩm, phía bà Mỹ L kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh về nguồn gốc pháp lý đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên là của gia đình bà Mỹ L, nên không có cơ sở chấp nhận.

*[3] Về án phí Hành chính phúc thẩm:* Do không chấp nhận kháng cáo, nên bà Phan Thị Mỹ L phải chịu án phí HCPT theo luật định.

*[4] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.*

Vì các lẽ trên; Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Mỹ L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 3, 30, 115, 116, 348 Luật Tổ tụng hành chính; Áp dụng các Điều 7, 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011; Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết về lệ phí, án phí của Quốc Hội; Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L về việc đòi hủy Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị Mỹ L.

2/ Về Án phí Hành chính phúc thẩm: Bà Mỹ L chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai thu số AA/2016/00184 ngày 18/6/2016 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bến Tre, như vậy bà Mỹ L đã nộp xong án phí HCPT.

3/ Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

7/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LÊ HOÀNG TẤN**